

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HS-ST

Ngày 15 – 5 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dũng

Ông Nguyễn Đức Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Vũng Tàu

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:*** Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh
Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số
79/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
97/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Gia B, sinh năm 1997 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
47 đường X, phường B, quận B, thành phố H; Chỗ ở: 17 đường X, phường B1,
quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc:
Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông
Bùi Xuân H và bà Hoàng Thị T; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 17 – 12 – 2019 (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 12 năm 2019, trước địa chỉ 91 Trưng
Nhị, phường 1, thành phố Vũng Tàu, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy
Công an thành phố Vũng Tàu phối hợp với Công an phường 1, thành phố Vũng
Tàu bắt quả tang Bùi Gia B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm
mục đích bán lại cho người khác.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bùi Gia B khai nhận: Bảo không sử dụng ma túy. Số ma túy bị cơ quan điều tra bắt quả tang là của Bảo mua tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Bảo mua 60 viên thuốc lắc của một người phụ nữ tên Hân (không rõ lai lịch) với giá 10.850.000 đồng; 20 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy tổng hợp khay của một thanh niên tên Duy (không rõ lai lịch) với giá 14.000.000 đồng. Tất cả số ma túy này Bảo mang xuống thành phố Vũng Tàu để bán cho một đối tượng tên Dũng (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 31.600.000 đồng nhằm mục đích kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang như trên. Ngoài bán ma túy cho người đàn ông tên Dũng, Bảo chưa bán ma túy cho ai khác.

Tại Bản kết luận giám định số 18/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận:

Năm mươi viên nén màu xanh lá cây, có hình dạng và logo in hình “mặt quỷ” (Mẫu A1) được niêm phong trong một phong bì màu trắng, có hình dấu của Công an phường 1 - Công An thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng các chữ ký ghi họ tên: Trung tá Nguyễn Trung Hoàng, Lê Tiến Diện, Bùi Gia B, Trần Văn Tuấn gửi đến giám định có tổng khối lượng 17,4714 gam là ma túy loại MDMA.

Hai mươi viên nén màu xám, hình chữ nhật có in các ký tự “DURACELL” trên một bề mặt (Mẫu A2) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định có tổng khối lượng 7,8474 gam là ma túy loại MDMA.

Tám viên nén màu trắng, hình tròn (Mẫu A3) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp, có tổng khối lượng 2,5340 gam (Mẫu có chứa Caffein và Sulfamethoxazole).

Hai viên nén màu vàng nhạt, hình tròn (Mẫu A4) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp, có tổng khối lượng 0,7787 gam (Mẫu có chứa Caffein và Sulfamethoxazole).

Mẫu chất bột trắng chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín (Mẫu A5) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định có khối lượng 7,3652 gam là chất ma túy loại Ketamine.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ quan chức năng tiến hành thu giữ vật chứng và các tài sản gồm: 50 viên nén màu xanh lá cây, có hình dạng và logo in hình “mặt quỷ”; 20 viên nén màu xám, hình chữ nhật có in các ký tự “DURACELL” trên một bề mặt; 08 viên nén màu trắng, hình tròn; 02 viên nén màu vàng nhạt, hình tròn; Mẫu chất bột trắng chứa trong 01 gói nylon hàn kín; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imel: 354393062715686; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353423093591193. Tất cả số vật chứng nêu

trên được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý, chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKSTPVT ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Bùi Gia B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Bùi Gia B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Gia B từ 13 đến 14 năm tù; Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số 18/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 26 – 12 – 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là tang vật vụ án và tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imel: 354393062715686; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353423093591193 vì có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc làm ổn định, không có thu nhập nên đề nghị không phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Gia B đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận giám định hay các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Gia B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 00 giờ 45 phút ngày 17 – 12 – 2019 và các tài liệu, chứng

cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Bùi Gia B có hành vi tàng trữ trái phép 25,3188 gam ma túy loại MDMA và 7,3652 gam ma túy loại Ketamine. Số ma túy này, Bảo tàng trữ nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời.

Do số ma túy thu giữ của Bảo có nhiều loại, trong đó MDMA có khối lượng thuộc trường hợp quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên căn cứ Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02 – 02 – 2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ của Bảo được xác định như sau: tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA so với mức tối thiểu đối với MDMA được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 84,396%; tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine (chất ma túy khác ở thể rắn) so với mức tối thiểu quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là 7,3652% nên tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của hai chất ma túy là 91,7612%. Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là dưới 100% nên tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ của Bảo thuộc trường hợp quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Gia B đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm p Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đối với người đàn ông tên Duy và người phụ nữ tên Hân (không rõ lai lịch, địa chỉ) là những người bán ma túy cho Bảo và đối tượng tên Dũng (không rõ lai lịch, địa chỉ) là người hẹn sẽ mua ma túy của Bảo, do chưa xác định được lai lịch nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình

phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo cho tốt, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không xác định được thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số 18/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 26 – 12 – 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là tang vật vụ án;

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imel: 354393062715686; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353423093591193 vì có liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm p Khoản 2 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bùi Gia B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bùi Gia B 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 17 tháng 12 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong số 18/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 26 – 12 – 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imel: 354393062715686; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353423093591193.

Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 109/BB.THA ngày 09 tháng 4 năm 2020.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Gia B phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công An thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Lợi

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành

chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)